TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/DS-ST
Ngày: 28/7/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ngô Thị Hữu

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Huỳnh Thanh Trà

Ông Phạm Xoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Ngọc Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28.7.2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2023/TLST- DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/QĐXXST-DS ngày 06/6/2023 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 28/62023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ trụ sở chính: 22 N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đ. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo quỷ quyền: ông Mai X. Chức vụ: Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản; bà Hồ V. Chức vụ: Phó Giám đốc Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai X: Bà Nguyễn Thị K, ông Hoàng Thế Qg, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị T (Giấy ủy quyền số 23862/UQ-PVB ngày 09/12/2022.

Địa chỉ Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ: Số 02 đường 30/4, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông Pcó mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987 và ông Võ Văn T, sinh năm 1987 cùng trú tại địa chỉ: 171 T, Tổ 20, Phường H, Quận C, Thành phố Đà Nẵng. Vắng

mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Lê Thị Kim Đ, sinh năm 1964. Cùng địa chỉ: Tổ 21 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn* khởi *kiện, trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 15/6/2020 và ngày 26 tháng 6 năm 2020 Ngân hàng TMCP Đviết tắt là P và ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H có ký với nhau hợp đồng đồng thẻ tín dụng và Hợp đồng cho vay số: 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng cho vay số 81 ngày 26/6/2020, số tiền vay là 200.000.000 đồng. Thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: Tiêu dùng. Hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn ghi nhận tại khế ước nhận nợ.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả: 10%/năm. Kỳ hạn trả nợ: Ngày 15 hàng tháng.

Đối với hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/6/2020: Hạn mức vay 20.000.000 đồng. Loại thẻ: Thẻ tín dụng hạng chuẩn.

+ Hình thức bảo đảm: Để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ tài chính của bà H, ông T tại Hợp đồng cho vay số 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK, ông Nguyễn Văn Tvà bà Lê Thị Kim Đ đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 50, địa chỉ: Tổ 23, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số CV071600, số vào sổ cấp GCN : CTs 205806 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/6/2020 cho ông Nguyễn Văn Tvà ba Lê Thị Kim Đ để thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số: 81 ngày 26/6/2020 được Văn phòng công chứng Nguyễn H công chứng ngày 26/6/2020, được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại quận C, thành phố Đà Nẵng ngày 26/6/2020.

Ngân hàng TMCP Đ đã giải ngân cho ông T, bà V vay số tiền 200.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số LD2018144036 ngày 26/6/2020.

Sau khi ký kết hợp đồng vay, tính đến hết ngày 28/07/2023**,** bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T đã thanh toán cho P với tổng số tiền: 62.350.086 đồng *(Trong đó: Nợ gốc: 35.900.000 đồng; Nợ lãi, phạt chậm trả: 26.450.086 đồng.*

Đến kỳ trả nợ ngày 05/11/2021, bà H, ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng vay số 81 với tổng số tiền còn phải thanh toán là: 209.433.648

đồng trong đó: Nợ gốc: 164.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn 33.733.979 đồng, nợ lãi quá hạn 8.638.946 đồng, lãi chậm trả 2.960.723 đồng.

Đối với Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/6/2020, bà Nguyễn Thị H đã thực hiện giao dịch và phát sinh dư nợ tính đến ngày 28/7/2023 là 36.362.678 đồng trong đó nợ gốc 19.148.288 đồng, nợ lãi 9.584.691 đồng, nợ phí 7.629.699 đồng.

Để giải quyết khoản nợ nêu trên, P đã nhiều lần gửi văn bản, liên hệ trực tiếp làm việc để đề nghị bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T thực hiện thanh toán nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T đã không thực hiện, cố ý trốn tránh.

Vì vậy ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 28/07/2023 là: 209.433.648 đồng trong đó: Nợ gốc: 164.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn 33.733.979 đồng, nợ lãi quá hạn 8.638.946 đồng, lãi chậm trả 2.960.723 đồng theo Hợp đồng cho vay số: 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020 kể từ ngày 29/07/2023 cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T không thanh toán được nghĩa vụ nợ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 81/2020/HĐBĐ/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020 để thanh toán khoản nợ của bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T tại P.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ khoản nợ gốc, lãi và phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/6/2020 tạm tính đến hết ngày 28/7/2023 là 36.362.678 đồng trong đó nợ gốc 19.148.288 đồng, nợ lãi 9.584.691 đồng, nợ phí 7.629.699 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để cung cấp bản khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại Tòa án trong các phiên họp kiểm tra, giao nộp,

tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn trả nợ vay cho Ngân hàng, nếu không trả được nợ thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng cho vay số 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020 và Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/06/2020. Theo hợp đồng, các đương sự thỏa thuận lựa chọn tòa án nơi có trụ sở của Chi nhánh nguyên đơn giải quyết tranh chấp. Nguyên đơn có địa chỉ chi nhánh tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người trên

[2] Về nội dung:

[2.1] Về khoản nợ: Xét hợp đồng tín dụng số 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020 (viết tắt là hợp đồng số 81) thì thấy:

Hợp đồng tín dụng số 81 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H được ký kết thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao dịch.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 81:

Theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 81 ngày 26/6/2020, số tiền vay là 200.000.000 đồng. Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày 29/6/2020 đến 29/6/2027.

Mục đích vay: Tiêu dùng. Hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn ghi nhận tại khế ước nhận nợ số LD2018144036 ngày 29/6/2020 là 8,99% áp dụng trong 06 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Lãi suất tại các kỳ điều chỉnh tiếp theo là: Lãi suất cơ sở + Biên độ 4.5%/năm, định kỳ điều chỉnh lãi suất 3 tháng/lần. Từ kỳ 01 đến kỳ 83 bên vay phải trả tiền gốc là 2.390.000 đồng/kỳ, riêng kỳ 84 trả tiền gốc là 1.630.000 đồng.

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn: Lãi suất chậm trả: 10%/năm. Kỳ hạn trả nợ: Ngày 15 hàng tháng.

Đối với hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/6/2020: Ngân hàng TMCP Đ thực hiện mở thẻ tín dụng với hạn mức: 20.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H. Loại thẻ: Thẻ tín dụng hạng chuẩn. Lãi suất là 25%. Phí, phí trả nợ trước hạn và các loại phí khác áp dụng theo quy định trong từng thời kỳ. Quá trình sử dụng thẻ bà H đã thực hiện 15 lần giao dịch với tổng số tiền 299.000.000 đồng, bà H đã thanh toán 280.151.712 đồng. Tuy nhiên đến kỳ trả nợ ngày 05/11/2021, bà H không thanh toán theo đúng thỏa thuận, cụ thể tiền gốc còn nợ lại là 19.148.288 đồng, tiền lãi thẻ 9.584.691 đồng, phí chậm trả là 7.329.669 đồng, tổng là 36.362.678 đồng.

Do ông T, bà H vi phạm mục E của Bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng gắn liền với hợp đồng cho vay số 81; bà Nguyễn Thị H vi phạm bản Điều khoản, điều kiện về cấp tín dụng và phát hành, sử dụng thẻ tín dụng tại PvcomBank. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền theo hợp đồng tín dụng số 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020 tính đến hết ngày 28/07/2023 là: 209.433.648 trong đó: Nợ gốc: 164.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn 33.733.979 đồng, nợ lãi quá hạn 8.638.946 đồng, lãi chậm trả 2.960.723 đồng.

Kể từ ngày 29/07/2023 bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020 cho đến khi tất toán khoản vay.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc, lãi, phí theo Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/06/2020 là 36.362.678 đồng trong đó tiền gốc là 19.148.288 đồng, tiền lãi thẻ 9.584.691 đồng, phí chậm trả là 7.329.669 đồng kể từ ngày 29/07/2023 cho đến khi tất toán khoản vay.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Đối với hợp đồng tín dụng số 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020: Để bảo đảm cho ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H vay vốn tại Ngân hàng, theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 81 ngày 26/6/2020, ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Kim Đ đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 50,

địa chỉ: Tổ 23, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số CV071600, số vào sổ cấp GCN : CTs 205806 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/6/2020 cho ông Nguyễn Văn T và ba Lê Thị Kim Đ để thế chấp cho ngân hàng, được đăng ký giao dịch bảo đảm, đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng thế chấp tài sản trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Tại Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/4/2023, hiện trạng tài sản thế chấp không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp.

Do đó, căn cứ các Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ, trong trường hợp ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì tài sản bảo đảm được xử lý để thu hồi nợ.

[4] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Đ theo quy định.

[4.2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H phải chịu. Ngân hàng TMCP Đ đã chi nên buộc ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả 3.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ tín dụng" của Ngân hàng TMCP Đ đối với ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H.

Tuyên xử :

1. Buộc ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28.7.2023 theo hợp đồng tín dụng số

81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020 là: 209.433.648 trong đó: Nợ gốc: 164.100.000 đồng, nợ lãi trong hạn 33.733.979 đồng, nợ lãi quá hạn 8.638.946 đồng, lãi chậm trả 2.960.723 đồng.

Kể từ ngày 29/07/2023 bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020 cho đến khi tất toán khoản vay.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc, lãi, phí theo Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/06/2020 là 36.362.648 (Ba mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi tám) đồng trong đó tiền gốc là 19.148.288 đồng, tiền lãi thẻ 9.584.691 đồng, phí chậm trả là 7.329.669 đồng. Lãi, phí tiếp tục được tính từ ngày 29.7.2023 theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận tại Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/6/2020 cho đến khi bà Nguyễn Thị H tất toán khoản vay.

3. Trường hợp ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H không trả tiền hoặc trả tiền không đầy đủ đối với Hợp đồng cho vay số 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 97, tờ bản đồ số 50, địa chỉ: Tổ 23, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận số CV071600, số vào sổ cấp GCN : CTs 205806 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 22/6/2020 cho ông Nguyễn Văn T và ba Lê Thị Kim Đ

4. Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.471.682 (Mười triệu, bốn trăm bảy mươi mốt nghìn, sáu trăm tám mươi hai) đồng đối với số tiền phải trả theo Hợp đồng cho vay số 81/2020/HĐTD/PVB-PGDOIK ngày 26/06/2020

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.818.132 (Một triệu, tám trăm mười tám nghìn, một trăm ba mươi hai) đồng đối với số tiền phải trả theo Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/6/2020.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí 5.369.591 đồng (bằng chữ: *Năm triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm chín mươi mốt đồng*) theo biên lai thu số 0007100 ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 3.000.000 đồng ông Võ Văn T, bà Nguyễn Thị H phải chịu. Ngân hàng TMCP Đ đã chi nên buộc ông T, bà V hoàn trả 3.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Hữu